

Bản án số: 32/2024/HNGĐ -ST
Ngày 13/9/2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Chiến – Giáo viên
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huyền – Chuyên viên phòng LĐTB và XH huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST - HNGĐ ngày 15/7/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1996
- Bị đơn : Anh Nguyễn Tất Q, sinh năm 1995
- Người có QLNV liên quan: 1. Cháu Nguyễn Ngọc B A, sinh năm 2017
2. Cháu Nguyễn Ph Th, sinh năm 2019

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Tr – Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: CT, VD, AT, Hưng Yên

Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2024 và lời khai của chị Tr trình bày: Chị và anh Q sau gần 1 năm tìm hiểu nhau, anh chị về báo cáo hai gia đình, 2 gia đình nói chuyện và tổ chức cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Du vào năm 2016. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, chị đã khuyên ngăn rất nhiều nhưng

anh Q không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng anh Q cũng không thay đổi. Do mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Trong suốt thời gian sống ly thân nhau, chị cho anh Q cơ hội và suy nghĩ nhưng chị thấy anh Q không có chuyển biến, công việc không ổn định, mặc dù anh Q bảo chị về ở nhưng chị không về vì chị không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc B A, sinh năm 2017 và Nguyễn Ph Th, sinh năm 2019.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Bà Ngô Thị Nhân và ông Nguyễn Tất Tích (bố mẹ đẻ của anh Q) trình bày: Anh chị quen nhau ở Hà Nội, sau đó tự tìm hiểu nhau, sau 1 thời gian tìm hiểu, anh chị về báo cáo gia đình, gia đình hai bên nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Du vào năm 2016. Sau khi cưới chị Tr về ngay gia đình ông bà chung sống. Năm 2022 do anh Q chơi bời nên anh chị về quê Thanh Hóa (quê chị Tr) làm ăn, do không ở được nhà bố mẹ vợ nên anh Q về, còn chị Tr ở lại sau đó ra Hà Nội làm, để lại hai con cho bà ngoại trông. Khoảng tháng 6/2024 bà vào đón các cháu ra chơi, ông bà thấy chị Tr nói nộp đơn ly hôn, bà tìm hiểu lý do, anh Q có nói chị Tr có quan hệ ngoại tình, ông bà gạt bỏ nhưng anh Q lại nói gọi điện cho chị Tr thì chị Tr không nghe mà chỉ nhắn tin. Hiện nay anh Q đi làm công nhân, thời gian làm việc từ 7 giờ đến 19h, lương khoảng 6.000.000 đến 7.000.000 đồng, ông bà đã giao các văn bản tố tụng của Tòa cho anh Q nhưng anh Q không xuống vì bận đi làm, còn chị Tr muốn bỏ thì bỏ. Nay chị Tr xin ly hôn việc anh chị có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh Q, chị Tr.

- Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc B A, sinh năm 2017 và Nguyễn Ph Th, sinh năm 2019. Quan điểm của ông bà giả sử anh chị ly hôn thì giải quyết theo quy định mỗi người nuôi 1 con.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai của anh Q nhưng anh Q đều vắng mặt nên trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện quan điểm của anh Q.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Vân Du: Vợ chồng anh Q, chị Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Du ngày 29/9/2016 tại số 52. Sau khi thành vợ chồng, anh Q chị Tr chung sống cùng với ông Tích, bà Nhân tại CT, VD, AT, Hưng Yên. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được

- Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc B A, sinh năm 2017 và Nguyễn Ph Th, sinh năm 2019.

- Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2024: Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 13/9/2024: Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 78 BLTTDS.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr. Xử cho chị Tr được ly hôn anh Q

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc B A, sinh năm 2017 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Ph Th, sinh năm 2019 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị Tr, anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị Tr phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr, anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 29/9/2016. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Q, chị Tr là hợp pháp. Nay chị Tr có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Q có nơi cư trú tại CT, VD, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Tr xác định vợ chồng chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, chị Tr đã khuyên ngăn rất nhiều và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, để cải thiện tình trạng vợ chồng nên vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ của chị Tr để sinh sống, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không giảm mà ngày một trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Lời khai của chị Tr phù hợp với lời khai của bố mẹ anh Q về việc anh Q có chơi bời, ngoài nguyên nhân chị Tr trình bày thì gia đình anh Q còn trình bày thêm là anh Q có nghi ngờ chị Tr ngoại tình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Q, chị Tr đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Tr kiên quyết xin ly hôn, về phía anh Q đều vắng mặt. Qua lời khai của đương sự và qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã có thời gian dài mâu thuẫn mà không có biện pháp gì để khắc phục, điều đó chứng tỏ vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn quan tâm cuộc sống của nhau, vì vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị Tr là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho chị Tr được ly hôn anh Q để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Q, chị Tr có 02 con chung là Nguyễn Ngọc B A, sinh năm 2017 và Nguyễn Ph Th, sinh năm 2019. Hiện cả hai cháu đang ở với anh Q và

ông bà nội. Quá trình giải quyết vụ án chị Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng 01 con chung, còn anh Q được Tòa án triệu tập, thông báo nhưng đều vắng mặt nên không rõ quan điểm của anh Q nhưng qua gia đình anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu An còn để chị Tr nuôi cháu Thảo, chị Tr nhất trí, xét thấy nguyện vọng chị Tr, anh Q là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Bản thân chị Tr đang làm việc tại Hà Nội, còn anh Q sinh sống với bố mẹ đẻ, anh Q, chị Tr đều có thu nhập nên việc chị Tr, anh Q mỗi người nuôi 1 con chung là đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con chung nên HĐXX giao cháu An cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn giao cháu Thảo cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Q, chị Tr có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Do mỗi người nuôi một con chung và anh Q, chị Tr đều đi làm ổn định và có thu nhập nên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Q, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Tất Q

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc B A, sinh ngày 15/11/2017 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Ph Th sinh ngày 23/6/2019 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Q, chị Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000827 ngày 15 tháng 07 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Tr đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Tr, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Vân Du, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Hân

